

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 936/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

1. Vùng Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước; có hành lang tự nhiên với Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và hệ thống giao thông kết nối với các tỉnh duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ; các cửa khẩu quốc tế trên tuyến hành lang Đông - Tây và gần các cảng biển nước sâu vùng duyên hải Trung Bộ.

2. Tây Nguyên có tiềm năng, lợi thế to lớn về đất đai, khoáng sản, tài nguyên khí hậu đặc thù (ôn đới, á nhiệt đới) và hệ động, thực vật đa dạng, phong phú để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá quy mô lớn, tập trung; hệ thống danh lam, thắng

cảnh thuận lợi để phát triển du lịch; có điều kiện thuận lợi để phát triển điện năng và ngành công nghiệp nhôm - Alumin quy mô lớn của đất nước.

3. Tây Nguyên có đặc trưng, sắc thái văn hoá của nhiều dân tộc, nhiều địa phương trong cả nước hội tụ; nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể cùng các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian, sinh hoạt cộng đồng phong phú và kho tàng văn học dân gian đặc sắc; một trong những nơi lưu giữ nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị lịch sử, thẩm mỹ của cả nước.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của vùng Tây Nguyên; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, nhất là trong Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong Vùng với cả nước nhằm huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội của Vùng so với cả nước.

3. Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý cả chiều rộng và chiều sâu nhằm xây dựng nền kinh tế có sức cạnh tranh cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với từng bước thực hiện đô thị hóa và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

4. Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên phải phù hợp với sự phân bố và trình độ phát triển lực lượng sản xuất, bảo đảm phát triển cân đối, hài hoà giữa các khu vực gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển; tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và ổn định xã hội; quan tâm phát triển nguồn nhân lực; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững ổn định chính

trị và trật tự an toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển ổn định và bền vững trên cơ sở tổ chức không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đạt mức trung bình so với cả nước, tạo chuyển biến căn bản về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; từng bước đưa Tây Nguyên trở thành vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm quốc phòng an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 7,9%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,7%/năm. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt 24 triệu đồng và vào năm 2020 đạt khoảng 46 triệu đồng;
- Tỷ trọng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế vào năm 2015 là 43,6%, 29,2% và 27,2%; đến năm 2020 cơ cấu kinh tế tương ứng là 34,7%, 35% và 30,3%;
- Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2011 - 2015 bình quân 17%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15,5%/năm.

b) Về phát triển xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 1,5%/năm khoảng 1,4%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Phấn đấu đến năm 2015 quy mô dân số khoảng 5,8 triệu người, đến năm 2020 khoảng 6,4 triệu người;
- Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống dưới 21%, đến năm 2020 dưới 16%. Số huyện, thị được công nhận phổ cập giáo dục bậc trung học đạt 55 - 60% vào năm 2020;
- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 14-15 vạn lao động. Đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị dưới 3%. Phấn đấu đến

năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40 - 45%, năm 2020 khoảng 50 - 55%.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2,5 - 3,5%/năm;

- Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị từ loại III trở lên đạt 90%; các đô thị loại IV đạt 70%; các đô thị loại V đạt 50%. Đến năm 2020 tỷ lệ dân cư được cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung đối với các đô thị loại IV trở lên đạt 90%; các đô thị loại V đạt 70% được cấp nước; chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Đến năm 2015 đảm bảo 80% và trên 90% vào năm 2020 dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên khoảng 57% vào năm 2015 và khoảng trên 59% vào năm 2020;

- Đến năm 2015 trên 80% chất thải rắn tại các đô thị; 40 - 50% lượng nước thải sinh hoạt tại các đô thị từ loại III trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường và tương ứng tỷ lệ này đạt trên 90% và 60% vào năm 2020;

- Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường.

d) Về an ninh, quốc phòng: Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết các dân tộc, củng cố quốc phòng an ninh; xây dựng các tỉnh trong Vùng thành các khu vực phòng thủ vững chắc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Các ngành kinh tế:

- Chuyển đổi toàn diện cơ cấu nông nghiệp để đến năm 2020 vùng Tây Nguyên cơ bản có nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, tập trung, có sức cạnh tranh cao, hiệu quả và bền vững gắn với công nghiệp chế biến; đồng thời ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất nông lâm nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; xây dựng thương hiệu một số sản phẩm có lợi thế so sánh của Vùng như cà phê, cao su, ca cao, tiêu,... Ổn định diện tích cây cà phê, tiếp tục nghiên cứu phát triển một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, các loại rau, hoa,

cây ăn quả có thể mạnh về điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu, hệ sinh thái,...); khuyến khích chuyển diện tích lúa năng suất thấp, nước tưới không ổn định sang các loại cây trồng cận có hiệu quả cao hơn. Chú trọng phát triển chăn nuôi, trong đó tập trung chăn nuôi đại gia súc (bò thịt, bò sữa, trâu, dê...). Tăng cường bảo vệ các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Phát huy có hiệu quả tiềm năng mặt nước, nhất là mặt nước các hồ chứa lớn (hồ thủy điện, thủy lợi,...) để phát triển thủy sản;

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương vùng Tây Nguyên, phát triển mạnh công nghiệp để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, hướng vào chế biến các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu. Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, trong đó tập trung vào khai thác bô xít và chế biến alumin xác định thành một trong những ngành công nghiệp lớn của cả nước. Phát triển ngành cơ khí chế tạo tập trung phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, chế biến lâm sản, khai thác chế biến khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn;

- Đẩy nhanh phát triển các ngành dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Phát triển thương mại, từng bước hiện đại hoá kết cấu hạ tầng đảm bảo hàng hóa lưu thông thuận lợi; chú trọng xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại các thành phố, thị xã, khu đô thị, các khu kinh tế cửa khẩu. Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng và thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, lịch sử, văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số; tập trung phát triển du lịch sinh thái rừng núi, thác hồ. Phát huy có hiệu quả tài nguyên khí hậu đặc thù để hình thành và phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp ở thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng), Măng Đen (Kon Tum). Đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu, các dịch vụ vận tải, viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Lĩnh vực văn hoá, xã hội:

- Cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các trường tiểu học. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục Trung học phổ thông. Mở rộng quy mô, nâng cao chất